

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN MINH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2022/DS-ST  
Ngày: 27/9/2022  
V/v tranh chấp hợp đồng  
góp hụi và vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Bảnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đoàn Thị Huệ

Ông Lưu Văn Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022 về “tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp K, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

**- Bị đơn:** Chị **Huỳnh Ngọc T**, sinh năm 1978 và anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp K, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị có làm chủ một số dây hụi ở địa phương, trong đó chị Huỳnh Ngọc T có tham gia chơi hụi, đã hốt hụi và còn nợ lại chị tiền hụi, cụ thể

như sau:

Dây hội tháng 5.000.000đồng, mở hội ngày 20/02/2020 âm lịch, có 29 hội viên, chị T là người hót đầu tiên và chị đã giao đủ tiền. Sau khi hót hội xong chị T còn lại 22 lần chưa đóng, còn nợ chị số tiền 110.000.000đồng. Dây hội này đã kết thúc.

Dây hội tháng 5.000.000đồng, mở hội ngày 15/5/2020 âm lịch, có 32 hội viên, chị T là người hót đầu tiên và chị đã giao đủ tiền. Sau khi hót hội xong chị T còn lại 29 lần chưa đóng với số tiền 145.000.000đồng. Dây hội này chưa kết thúc, tính đến tại phiên tòa sơ thẩm còn 4 kỳ nữa, mỗi kỳ đóng 5.000.000đồng. Hiện nay dây hội này chị T nợ chị số tiền 125.000.000đồng.

Dây hội ngày 20/5/2020 âm lịch chị T kêu chị đưa 40 dây hội ngày một dây 5.000.000đồng,  $40 \text{ dây} \times 5.000.000\text{đồng} = 200.000.000\text{đồng}$ , sau đó chị T có đóng lại được một phần và còn nợ lại chị 86.700.000đồng. Dây hội này đã kết thúc.

Ngoài ra vào ngày 15/6/2020 âm lịch chị T có vay của chị số tiền 60.000.000đồng, tiếp đến ngày 10/7/2020 âm lịch chị T vay thêm số tiền 80.000.000đồng đến nay chưa trả.

Anh D là chồng chị T, không có trực tiếp tham gia chơi hội, vay tiền nhưng khi chị T chơi hội anh D có biết. Khi chị T vỡ hội, anh D cũng nhận trách nhiệm cùng chị T trả nợ.

Nay chị khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị T, anh D trả cho chị tiền hội và tiền vay tổng cộng là  $110.000.000\text{đồng} + 125.000.000\text{đồng} + 86.700.000\text{đồng} + 60.000.000\text{đồng} + 80.000.000\text{đồng} = 461.700.000\text{đồng}$ . Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

\* Bị đơn chị Huỳnh Ngọc T trình bày: Chị thừa nhận có tham gia chơi hội và còn nợ chị N dây hội ngày 20/02/2020 âm lịch là 110.000.000đồng; dây hội ngày 15/5/2020 âm lịch, nợ là 125.000.000đồng (chưa tính dây hội này còn 4 kỳ nữa mới kết thúc, mỗi kỳ 5.000.000đồng); hội ngày 20/5/2020 âm lịch còn nợ 86.700.000đồng. Chị cũng thừa nhận có vay của chị N ngày 15/6/2020 âm lịch số tiền 60.000.000đồng và ngày 10/7/2020 âm lịch số tiền 80.000.000đồng.

Nay chị thống nhất còn nợ chị N tiền hội và tiền vay tổng cộng là  $110.000.000\text{đồng} + 125.000.000\text{đồng} + 86.700.000\text{đồng} + 60.000.000\text{đồng} + 80.000.000\text{đồng} = 461.700.000\text{đồng}$ , chưa tính 4 kỳ nữa mới kết thúc của dây

hội ngày 15/5/2020 âm lịch, mỗi kỳ 5.000.000đồng. Hiện nay hoàn cảnh gia đình chị khó khăn, không có tài sản, chị đang đối mặt với án phạt tù nên chị xin chị N cho trả dần, chồng chị là anh D ở nhà mỗi tháng trả từ 2.000.000đồng đến 3.000.000đồng. Khi nào chấp hành xong án có điều kiện chị sẽ trả nhiều hơn.

\* Bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh không có tham gia góp hội và vay tiền của chị N. Tuy nhiên, vợ anh là Huỳnh Ngọc T thừa nhận nợ thì anh cũng nhận trách nhiệm cùng liên đới với vợ trả phần còn nợ cho chị N. Khi vợ anh vỡ hội thì anh cũng nhận trách nhiệm cùng vợ trả, nếu sau này vợ phải đi chấp hành án phạt tù thì anh ở nhà vẫn nhận trách nhiệm trả nợ cùng vợ. Hiện nay hoàn cảnh gia đình anh khó khăn, không có tài sản nên xin chị N cho trả dần mỗi tháng từ 2.000.000đồng đến 3.000.000đồng. Khi nào có điều kiện anh sẽ trả nhiều hơn.

#### **Tại phiên tòa sơ thẩm:**

Nguyên đơn chị N yêu cầu vợ chồng chị T, anh D trả số tiền hội và tiền vay tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm hôm nay là 461.700.000đồng; chỉ đồng ý cho vợ chồng chị T trả dần mỗi tháng 5.000.000đồng cho đến khi hết nợ; đối với 4 kỳ của dây hội ngày 15/5/2020 âm lịch chưa kết thúc, mỗi kỳ 5.000.000đồng, khi phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện sau. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn chị T, anh D xin chị N cho trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi trả đủ số tiền 461.700.000đồng. Còn 4 lần của dây hội ngày 15/5/2020 âm lịch chưa kết thúc với số tiền 20.000.000đồng thì khi nào chị N trả cho hội viên và khởi kiện anh chị thì anh chị sẽ trả sau.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Huỳnh Ngọc T, anh Nguyễn Văn D trả tiền nợ hội và tiền vay hai bên thỏa thuận với nhau. Do đó theo Điều 463, 471 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố

tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án này là “tranh chấp hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản”.

[2] Chị N khởi kiện cho rằng vợ chồng chị T, anh D có nợ tiền hui, nợ tiền vay của chị tổng cộng số tiền là 461.700.000đồng, chị đã yêu cầu nhiều lần nhưng đến nay vợ chồng chị T, anh D chưa trả.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh, biên bản làm việc của cơ quan điều tra, lời khai của các đương sự tại biên bản hòa giải ngày 09/8/2022 và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm có đủ cơ sở để kết luận chị Huỳnh Ngọc T tham gia chơi hui và hiện nay còn nợ tiền hui của chị N, cụ thể như sau: Dây hui ngày 20/02/2020 âm lịch là 110.000.000đồng; dây hui ngày 15/5/2020 âm lịch, nợ là 125.000.000đồng (chưa tính dây hui này còn 4 kỳ nữa mới kết thúc, mỗi kỳ 5.000.000đồng); dây hui ngày 20/5/2020 âm lịch còn nợ 86.700.000đồng. Ngoài ra chị T có vay của chị N ngày 15/6/2020 âm lịch 60.000.000đồng và ngày 10/7/2020 âm lịch 80.000.000đồng (bút lục 37, 40, 44, 45). Tổng cộng chị T còn nợ chị N tiền hui và tiền vay tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm hôm nay là 461.700.000đồng. Đây là những tình tiết, sự kiện được các đương sự thừa nhận, không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy yêu cầu này của chị N là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ, chị N khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị T, anh D cùng có trách nhiệm trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, chị T và anh D cùng thống nhất nhận trách nhiệm trả khoản nợ nêu trên cho chị N. Do đó, buộc chị T, anh D có nghĩa vụ trả cho chị N số tiền là 461.700.000đồng.

[4] Đối với ý kiến cũng như yêu cầu của vợ chồng chị T, anh D xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi trả đủ số tiền 461.700.000đồng do hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhiên chị N không đồng ý cho trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng. Hội đồng xét xử đã giải thích, động viên hai bên đương sự thương lượng, thỏa thuận nhưng không thống nhất được với nhau. Mặt khác, theo quy định Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của chị T, anh D xin trả dần. Trường hợp chị T, anh D thực sự

khó khăn, không có khả năng trả một lần thì có thể làm đơn đề cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[5] Đối với dây hội ngày 15/5/2020 âm lịch, chị N và chị T xác định đến thời điểm phiên tòa sơ thẩm hôm nay (ngày 27/9/2022), dây hội này còn 4 kỳ nữa mới kết thúc, mỗi kỳ đóng 5.000.000đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm chị N và chị T, anh D cùng thống nhất chị N sẽ thực hiện nghĩa vụ của chủ hội nộp thay phần hội của thành viên nếu đến kỳ mở hội mà chị T không góp, trường hợp chị T không tự nguyện trả lại và phát sinh tranh chấp thì chị N sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị án nên chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị T, anh D có nghĩa vụ trả cho chị N số tiền là 461.700.000đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chị T, anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là  $20.000.000\text{đồng} + 4\% \times 61.700.000\text{đồng} = 22.468.000\text{đồng}$ .

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phùng;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc chị Huỳnh Ngọc T và anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền hụi và tiền vay là 461.700.000đồng (bốn trăm sáu mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị T, anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 22.468.000đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Chị N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.620.000đồng (mười một triệu sáu trăm hai chục nghìn đồng) theo lai thu số 0005352 ngày 21/4/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Bùi Văn Bảnh**